|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**BỘ MÔN BỆNH LÝ VÀ** **PHẪU THUẬT MIỆNG HÀM MẶT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thái Nguyên, ngày 29 tháng 7 năm 2019* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHẪU THUẬT HÀM MẶT 2**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Mã học phần: MFS332

**-** Số tín chỉ: 03 (*1LT/2TH)*

- Loại học phần: bắt buộc

- Các học phần tiên quyết: Phẫu thuật hàm mặt 1

- Các học phần song hành:...................................................................................

- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):.............................................................

- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bệnh lý và Phẫu thuật miệng hàm mặt.

- Số tiết quy định đối với các hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| + Nghe giảng lý thuyết : 12 tiết+ Thảo luận: 03 tiết + Làm bài tập: .............................tiết+ Thực hành, thí nghiệm: 30 tiết | + Hoạt động theo nhóm:................tiết+ Tự học:.......................................giờ+ Tự học có hướng dẫn:.................giờ + Bài tập lớn (tiểu luận):................giờ  |

**2. Thông tin chung về các giảng viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | Ths. Nguyễn Nam Hà | 0989767612 | nguyennamha@tump.edu.vn | Phó TBMGVBM |
| 2 | Ths. Vũ Ngọc Tú | 0975969498 | vungoctu@tump.edu.vn |  |
| 3 | Bs. Nguyễn Đăng Thắng | 0985563224 | nguyendangthang@tump.edu.vn |  |
| 4 | Bs. Đỗ Thị Thanh Tâm | 0963556823 | dothithanhtam@tump.edu.vn |  |
| 5 | Bs. Phùng Thủy Tiên | 0392272567 | phungthuytien@tump.edu.vn |  |
| 6 | TS Hoàng Tiến Công | 0913351248 | hoangtiencong@tump.edu.vn | Mời giảng |
| 7 | Ths Nguyễn Văn Ninh | 0912551768 | nguyenvanninh@tump.edu.vn | Mời giảng |
| 8 | PGS.TS Lê Ngọc Tuyến | 0913363631 | lengoctuyen@gmail.com | Mời giảng |
| 9 | Ths. Lê Ngọc Uyển | 0915531664 | lengocuyen@tump.edu.vn | Mời giảng |

**3. Mục tiêu của học phần**

- Yêu cầu về kiến thức

+ Trình bày được cơ chế bệnh sinh của dị tật bẩm sinh hàm mặt.

+ Trình bày được phân loại khe hở môi vòm miệng và ảnh hưởng khe hở môi vòm miệng đến người bệnh.

+ Trình bày được các phương pháp điều trị gãy xương hàm mặt

+ Trình bày được một số vạt cơ bản trong tạo hình hàm mặt và một số phương pháp cấy ghép trong nha khoa

+ Áp dụng được kỹ thuật tạo vạt cơ bản vào thực hành lâm sàng

+ Áp dụng được kiến thức vào thực hành cấp cứu và điều trị chấn thương vùng hàm mặt.

- Yêu cầu về kỹ năng

+ Chẩn đoán và ra chỉ định được điều trị gãy xương vùng hàm mặt

+ Lập được kế hoạch điều trị khe hở môi, vòm miệng

+ Thực hiện được một số kỹ thuật tạo hình vùng miệng - hàm mặt đơn giản

- Yêu cầu về thái độ

+ Coi trọng việc thăm khám lâm sàng, chẩn đoán và ra chỉ định điều trị đúng các tổn thương và dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt.

**4.** **Chuẩn đầu ra của học phần**

1. Vận dụng được kiến thức trong chẩn đoán dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt

2. Áp dụng được kỹ thuật tạo vạt cơ bản vào thực hành lâm sàng

3. Áp dụng được kiến thức vào thực hành cấp cứu và điều trị chấn thương vùng hàm mặt.

4. Lập được kế hoạch điều trị khe hở môi, vòm miệng

5. Thực hiện được một số kỹ thuật tạo hình vùng miệng - hàm mặt đơn giản

6. Coi trọng việc thăm khám lâm sàng, chẩn đoán và ra chỉ định điều trị đúng các tổn thương và dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt.

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết giới thiệu về các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt; các phương pháp điều trị gãy xương vùng hàm mặt; các yêu cầu trong phẫu thuật hàm mặt và các bước tạo hình hàm mặt, Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng lập kế hoạch điều trị, tạo hình và cố định hai hàm. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2,6,7,11,12,14,15,16 (mức độ 3) và 17,18 (mức độ 2).

**6.** **Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

*Mức 1: Thấp*

*Mức 2: Trung bình*

*Mức 3: Cao*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài giảng** | **Chuẩn đầu ra của học phần** |
| CĐR 1 | CĐR 2 | CĐR 3 | CĐR 4 | CĐR5 |
| Bài 1 |  |  | 3 |  | 3 |
| Bài 2 | 3 |  |  |  | 3 |
| Bài 3 |  | 3 |  | 2 | 3 |
| Bài 4 |  |  |  |  | 3 |

**7. Danh mục tài liệu**

 - Tài liệu học tập chính:

1. Bộ môn Bệnh lý và Phẫu thuật miệng - hàm mặt, khoa Răng Hàm Mặt, Đại học Y Dược Thái Nguyên, ”*Bài giảng phẫu thuật hàm mặt”*, lưu hành nội bộ.

 - Tài liệu tham khảo:

2. Bộ môn Răng Hàm Mặt Ðại học Y Hà Nội , “*Răng hàm mặt*”, tập II, Nhà xuất bản y học, 1977.

3. Bộ môn Răng Hàm Mặt Ðại học Y Hà Nội, “*Răng hàm mặt*”, tập III, , Nhà xuất bản y học, 1977.

4. Reed O.D, Paul N, “*Surgery of facial fracture*”, W. B. Saunder Company, 1964.

5. David A. Michell, “*An Introduction to Oral anf Maxillofacial Surgrey“*, CRC Press, 2015.

6. Christopher J. Haggerty, “*Atlas of operative and maxillofacial surgery“*, Wiley Blackwell, 2015

**8. Nhiệm vụ của người học**

**8.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao trong sách bài tập.

**8.2. Phần thí nghiệm, thực hành** (nếu có)

- Tham gia đủ 100% giờ thực hành.

- Thực hiện chỉ tiêu lâm sàng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số ca** |
| 1 |  Phụ mổ khe hở môi – vòm miệng | 1 |
| 2 |  Phụ mổ chấn thương hàm mặt | 4 |
| 3 |  Xử trí vết thương phần mềm hàm mặt | 6 |
| 4 | Trích rạch áp xe vùng hàm mặt | 2 |
| 5 | Buộc được nút Ivy và cung tiguested trong cố định hai hàm | 4 |

**8.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không**

**8.4. Phần khác: Không**

**9. Phương pháp giảng dạy**

- Phần lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận

- Phần thực hành: Giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống,...

**10. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá****(Theo thang điểm 10)** | **Trọng số** |
| 1 | Bài kiểm tra thường xuyên | - Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức của sinh viên qua một giai đoạn học tập.- Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, tình huống | Thang điểm theo đáp án | 16,67% |
| 2 | Điểm chuyên cần | - Đánh giá mức độ chuyên cần, ý thức tự học của sinh viên.- Phương pháp đánh giá: Đánh giá chỉ tiêu lâm sàng đã thực hiện được.  | Số chỉ tiêu thực hiện trên tổng số chỉ tiêu | 8,33% |
| 3 | Bệnh án | Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức và phân tích trong thực hành lâm sàng.Phương pháp đánh giá: Chấm bệnh án | Chấm theo phiếu chấm | 8,33% |
| 4 | Bài thi lâm sàng | Đánh giá khả năng áp dụng kiến thức trong thực hành lâm sàng.Phương pháp đánh giá: Thi lâm sàng trên người bệnh. | Đánh giá  | 16,67% |
| 5 | Thi kết thúc học phần | Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.Phương pháp đánh giá: Thi tự luận, Thời gian: 90 phút. |  | 50% |

Điểm học phần: Là điểm trung bình chung có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.

**11. Nội dung chi tiết học phần**

**11.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận** (Tổng số tiết: 15)

**Bài 1: Điều trị gãy xương vùng hàm mặt**

(Tổng số tiết: 6; Số tiết lý thuyết: 5; Số tiết thảo luận: 1)

1. Nguyên tắc điều trị

2. Điều trị gãy xương hàm trên

2.1. Điều trị bằng chỉnh hình

2.2. Điều trị bằng phẫu thuật

3. Điều trị gãy xương gò má

4. Điều trị gãy xương hàm dưới

4.1. Điều trị bằng chỉnh hình

4.2. Điều trị bằng phẫu thuật

***Thảo luận: Chăm sóc bệnh nhân sau mổ gãy xương hàm mặt.***

**Bài 2: Dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt**

(Tổng số tiết: 5; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết thảo luận: 1)

1. Nguyên nhân

2. Cơ chế bệnh sinh

3. Phân loại khe hở môi – vòm miệng

3.1. Veau

3.2. Kernahan - Start

3.3. Phân loại theo độ

4. Ảnh hưởng của khe hở môi –vòm miệng đến người bệnh

5. Điều trị:

5.1. Nguyên tắc

5.2. Thời gian điều trị

5.3. Một số phương pháp tạo hình môi – vòm miệng.

***Thảo luận: Ưu nhược điểm các phương pháp phẫu thuật khe hở môi-vòm miệng thường dùng***

**Bài 3: Các kỹ thuật tạo hình cơ bản vùng mặt**

(Tổng số tiết: 2; Số tiết lý thuyết: 1; Số tiết thảo luận: 1)

1. Đặc tính cơ – sinh học của da

1.1. Đặc điểm cấu trúc mô của da

1.2. Đặc tính cơ sinh học của da

1.3: Sự biến đổi đặc tính cơ sinh học của da

2. Phân loại vạt

2.1. Theo phương thức cấp máu

2.2. Theo vị trí:

2.3. Theo cách chuyển vạt.

3. Các kỹ thuật tạo hình thường dùng vùng hàm mặt

3.1 Tạo hình chữ Z

3.2.Vạt đẩy

3.3. Vạt chuyển

3.4. Vạt xoay

***Thảo luận: Lựa chọn vạt trong tạo hình cơ bản vùng hàm mặt***

**Bài 4. Đại cương về cấy ghép nha khoa.**

(Tổng số tiết: 2; Số tiết lý thuyết: 2; Số tiết thảo luận: 0)

1. Lịch sử phát triển implant nha khoa

1.1. Nguồn gốc Implant

1.2. Implant hiện đại

2. Tổng quan về ghép xương và các vật liệu ghép

2.1. Định nghĩa về ghép xương

2.2. Vật liệu ghép xương

2.3. Các loại màng xương

3. Các phương pháp điều trị khuyết hổng xương

3.1. Ghép xương sau nhổ răng, cắt nang

3.2. Điều trị thiếu xương theo chiều ngang

3.3. Điều trị thiếu xương theo chiều dọc

**11.2. Nội dung về thực hành, thí nghiệm** (Tổng số tiết: 30)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bài 1:* |  Khám và xử lý vết thương phần mềm vùng hàm mặt | 8 tiết |
| *Bài 2:* |  Khám, chẩn đoán và điều trị gãy xương vùng hàm mặt | 10 tiết |
| *Bài 3:* |  Khám và lập kế hoạch điều trị bệnh nhân khe hở môi vòm miệng | 5 tiết |
| *Bài 4:* |  Kỹ thuật tạo vạt cơ bản | 7 tiết |
| *Tổng* |  | 30 tiết |

**12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần**: Ngày tháng năm 2019

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN****Nguyễn Nam Hà** | **CHỦ TỊCH HĐ KHĐT KHOA****Hoàng Tiến Công** |